

Bản án số: 314/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 /6/ 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Quỳnh Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Đức Anh**

2. Bà **Hoàng Phương Lan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Doãn Khắc Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Phong Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 60/2024/TB-TLVA ngày 02/02/2024 về việc “Xin ly hôn” giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị T** - Sinh năm 1978

HKTT: Số A, TT B, TDP C, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Phòng X, Tòa Y, chung cư Z, Xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội

Có mặt

***Bị đơn:** Anh **Vũ Hùng C** - Sinh năm 1973

HKTT: Số A, TT B, TDP C, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Trụ sở: Số 77 Trần Hưng Đạo – Hoàn Kiếm – Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Ngô Thu Hà** – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hà Đông**

Trụ sở: Số 16-18 Nguyễn KH ến, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 29/01/2024, chị **Bùi Thị T** đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm “Xin ly hôn” đối với anh **Vũ Hùng C**, đăng ký HKTT tại: Số A,

TT B, TDP C, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Vũ Hùng C đăng ký kết hôn ngày 03/7/2009 tại UBND phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình sa sút, anh C không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với vợ và con, nợ nần nhiều. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015, đến tháng 01/2019 anh C dọn ra ngoài ở không thông báo địa chỉ cho chị T biết, thỉnh thoảng anh C về thăm con. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh C.

*** Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung :

1. **Vũ Khánh D** – Sinh ngày 23/10/2010

2. **Vũ Gia H** – Sinh ngày 05/02/2013

Chị T có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung vì thực tế các con vẫn ở cùng chị sau khi anh C ra ngoài ở riêng. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

*** Về tài sản chung và nợ chung:** Trong thời gian chung sống, chị T và anh C có mua được 1 căn hộ chung cư: Phòng X, Tòa Y, chung cư Z, Xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội. Khi mua căn hộ anh C đóng góp 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, chị T góp 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng bao gồm cả tiền mua nhà và tiền làm nội thất. Anh chị vay Ngân hàng SHB – chi nhánh Hà Đông số tiền **497.696.303 đồng** (Bốn trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm linh ba đồng) đồng theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 2 với :

- Dư nợ lần 1 là: 404.197.502 đồng,.

- Dư nợ lần 2: 93.498.801 đồng.

Kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, một mình chị T hàng tháng thực hiện trả nợ cho Ngân hàng SHB, chi nhánh Hà Đông, anh C không đóng góp gì

Hiện tại anh chị còn nợ Ngân hàng SHB là: 290.682.303 đồng (tạm tính đến ngày 10/3/2024)

Chị T đề nghị Tòa án giao cho chị sở hữu căn hộ nói trên sau khi ly hôn , chị sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng SHB khoản tiền nợ còn lại và thanh toán cho anh C khoản tiền chênh lệch tài sản (nếu có)

Ngày 16/5/2024, chị Bùi Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó chị xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng.

2. *Bị đơn trình bày:*

Anh Vũ Hùng C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có ý kiến trình bày.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày :*

- Ngày 22/10/2015 SHB đã cấp tín dụng cho bà T và ông C số tiền: 404.197.502 VNĐ

- Ngày 31/12/2015 SHB đã cấp tín dụng cho bà T và ông C số tiền: 93.498.801 VNĐ

Tạm tính đến ngày 04/04/2024, bà Bùi Thị T và ông Vũ Hùng C còn nợ Ngân hàng SHB số tiền gốc và lãi, chi tiết như sau:

+ Tổng nợ gốc : 288.604.303 đồng

+ Tổng nợ lãi dự kiến : 481.056 đồng

Theo QĐ tại điểm 5.1.4 Khoản 5.1 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số 343/2015/HĐTC-CN/SHB.11200 ngày 16/10/2015 có quy định Ngân hàng SHB có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi xảy ra một trong các điều kiện sau “Bên bảo đảm chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ liên lạc hoặc không liên lạc được trong thời gian 3 tháng”

Theo QĐ tại điểm 12.3.5 Khoản 12.3 Điều 12 của Hợp đồng tín dụng số 343/2015/HĐTDTDH-CN/SHB.112000 NGÀY 16/10/2015 v/v chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn có quy định “Một trong những cá nhân thuộc Bên vay ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân mà theo quan điểm của SHB ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm và/hoặc nghĩa vụ trả nợ của Bên vay” thì ngân hàng được chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn.

Xuất phát từ các lý do trên, SHB đề nghị ông bà tất toán khoản vay đảm bảo thực hiện theo nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 343/2015/HĐTDTDH-CN/SHB.112000 ngày 16/10/2015 với số tiền tạm tính đến ngày 04/04/2024 là: 280.085.359 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu không trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi chín đồng), cụ thể như sau:

+ Tổng nợ gốc : 288.604.303 đồng

+ Tổng nợ lãi dự kiến : 481.056 đồng

Trường hợp Bà Bùi Thị T và ông Vũ Hùng C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên SHB được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho SHB, cụ thể là: Phòng X, Tòa Y, chung cư Z, Xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội phát sinh từ HĐMB căn hộ số 402DDN2/T1/HĐMB – PHUCHA ngày 04/07/2015 giữa bà Bùi Thị T với Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Bà Bùi Thị T và Ông Vũ Hùng C phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho SHB và SHB được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xác minh, kê biên tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp Bà Bùi Thị T và Ông Vũ Hùng C để thu hồi nợ cho SHB.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn : Chị Bùi Thị T đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh C, đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung là : Cháu Vũ Khánh D – Sinh ngày 23/10/2010 và cháu Vũ Gia H – Sinh ngày 05/02/2013 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con và rút yêu cầu đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung.

- Bị đơn : Anh Vũ Hùng C vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu quan điểm:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình xét xử vụ án.

Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong việc tổng đạt, niêm yết các văn bản của Tòa án, trong quá trình xét xử vụ án.

Nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn cho Tòa án trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần không rõ lý do, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án:

1. Đình chỉ yêu cầu của chị Bùi Thị T về chia tài sản chung.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T đối với anh Vũ Hùng C.

3. Giao 2 con chung là Cháu Vũ Khánh D – Sinh ngày 23/10/2010 và cháu Vũ Gia H – Sinh ngày 05/02/2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

4. Về tài sản chung, nhà ở và các khoản nợ : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm

Hoàn lại cho chị T tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án xét thấy:

Ngày 29/01/2024, chị Bùi Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm “Xin ly hôn” đối với bị đơn là anh Vũ Hùng C, ĐKKHKT tại: Số A, TT B, TDP C, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Theo nguyên đơn trình bày: Từ năm 2019 anh C bỏ nhà ra ngoài ở, không cho chị T biết địa chỉ nơi anh cư trú thực tế, được xác định là anh C cô tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm – là nơi anh C đăng ký HKTT- thụ lý vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền theo lãnh thổ và loại việc.

[2] Về quan hệ pháp luật xét thấy:

Chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vũ Hùng C, , có yêu cầu giải quyết về con chung, có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau đó chị T xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án chia tài sản chung và các khoản nợ chung để các bên tự thỏa thuận

Anh Vũ Hùng C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Do đó tranh chấp được xác định là “Ly hôn theo yêu cầu một bên” ,có yêu cầu giải quyết về con chung, không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung được quy định tại Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83– Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về nội dung vụ án, xét thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Bùi Thị T và anh Vũ Hùng C đăng ký kết hôn ngày 03/7/2009 tại UBND phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh .

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình sa sút, anh C không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với vợ và con, nợ nần nhiều. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015, đến tháng 01/2019 anh C dọn ra ngoài ở không thông báo địa chỉ cho chị T biết, thỉnh thoảng anh C điện thoại về thăm con. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh C

Xét, cuộc hôn nhân của chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và đỉnh điểm đến năm 2019, anh C đã bỏ ra ngoài ở, không cho chị T biết địa chỉ nơi anh cư trú thực tế, không cùng chung sống với chị T và không cùng nhau nuôi dạy con cái.

Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị T, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Vũ Hùng C là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung :

1. **Vũ Khánh D** – Sinh ngày 23/10/2010

2. **Vũ Gia H** – Sinh ngày 05/02/2013

Xét, Các con chung của chị T và anh C chưa đủ tuổi trưởng thành nên việc giao con chung cho ai nuôi là phải đảm bảo cho trẻ phát triển tốt nhất.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, xác định chị Bùi Thị T có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định sau khi ly hôn. Phía anh C không có bất cứ tài liệu gì chứng minh thu nhập cũng như nơi ở của anh, không có căn cứ để đảm bảo anh có thể nuôi dưỡng các con trưởng thành tốt.

Cả 2 cháu Vũ Khánh D và Vũ Gia H đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị T để tiện cho việc sinh hoạt cùng như học tập hàng ngày của cháu.

Do đó, giao cháu Vũ Khánh D – Sinh ngày 23/10/2010 và cháu Vũ Gia H – Sinh ngày 05/02/2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con trẻ, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên tạm hoãn đối với anh C cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi tròn hoặc khi có sự thay đổi khác.

[3.3] Về tài sản chung, nhà ở và các khoản nợ : Khi làm đơn xin ly hôn, chị T có yêu cầu Tòa án xem xét và chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên sau đó, chị Bùi Thị T xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và các khoản nợ chung.

Xét, việc xin rút yêu cầu chia tài sản chung và các khoản nợ chung của chị T là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận

[3.4] Về án phí : Chị Bùi Thị T phải nộp án phí LHST theo quy định của pháp luật và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 - Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH khóa 12 ngày 27/02/2009 về án phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu xin chia tài sản chung và các khoản nợ chung của chị Bùi Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T đối với anh Vũ Hùng C .
Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Vũ Hùng C.

3. Về con chung:

Giao cả 2 con chung là cháu Vũ Khánh D – Sinh ngày 23/10/2010 và cháu Vũ Gia H – Sinh ngày 05/02/2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi tròn hoặc khi có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

4. Về tài sản chung, nhà ở và các khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Các bên tự lo nơi ở sau ly hôn.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 21325 ngày 02/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bắc Từ Liêm, nay chuyển thành án phí.

Hoàn lại cho chị T số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 21355 ngày 21/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bắc Từ Liêm

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Quận Bắc Từ Liêm
- TAND TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- THADS Quận Bắc Từ Liêm
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quỳnh Chi

